

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày 21/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân

Bà Lê Như Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Doãn Đại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/HSST-QĐ ngày 29/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Lê T; sinh năm 1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: đường H, Phường MS, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: đường L, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang H và bà Lê Thị T; tiền án: Không có, tiền sự: Ngày 26/6/2015 TAND huyện Bình Chánh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng (Quyết định số 144/Qđ-TA ngày 23/6/2015); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/9/2017; có mặt;

2. Vương Chí M, tên gọi khác: A Mính; sinh ngày 18/12/1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: đường B, Phường H, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: đường S, Phường MS, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Tô H và bà Hồ Thê L; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/9/2017; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1987; địa chỉ: đường L, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

2. Bà Liên Gia L, sinh năm 1996; địa chỉ: chung cư T, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. Bà Lê Minh TT, sinh năm 1997; địa chỉ: đường K, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 28/9/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an Quận 11 kết hợp cùng Công an Phường 8, Quận 11 kiểm tra phòng cho thuê Phương Thảo, số 137A đường Đội Cung. Qua kiểm tra, tại phòng 404 có Lê Minh TT và Vương Chí M đang thuê phát hiện có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu để trên kệ tivi và bộ dụng cụ sử dụng ma túy, trong túi quần sau của M có 01 gói nylon tinh thể không màu. M khai nhận tinh thể không màu thu giữ là ma túy tổng hợp M mua về sử dụng nên Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an Quận 11 đưa M về Công an Phường 8, Quận 11 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Công an Phường 8, Quận 11 và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Vương Chí M và Lê Minh TT khai nhận: Vào khoảng 22 giờ ngày 27/9/2017 vì cần ma túy sử dụng nên M gọi điện thoại cho đối tượng tên H bán ỏc tại hẻm 53 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11 thì có người đàn ông nghe máy. M hỏi mua gói tư ma túy đá với giá 1.100.000 đồng thì người đàn ông đồng ý. Do không có xe nên M nhờ TT chở đi mua, TT đồng ý. TT giao xe cho M chở đến ngã tư Lý Thường Kiệt – Trần Quý thì dừng xe. TT đứng chờ ở đó còn M đi bộ đến quán ỏc đầu hẻm 53 Lý Thường Kiệt gặp H nhận lấy gói ma túy. Sau đó, M chở TT đến phòng trọ của M để cùng sử dụng ma túy. Đến tối ngày hôm sau 28/9/2017, M và TT tiếp tục thuê phòng 404 tại phòng cho thuê Phương Thảo để sử dụng ma túy thì bị bắt quả tang

Trước đó, M và TT quen biết với Liên Gia L. TT và L đã từng đến nhà H và T (chồng của H) sử dụng ma túy. Do biết T có ma túy để ở nhà nên L, TT đã kêu T nhường lại một ít cùng sử dụng. Qua xác minh H có lai lịch là Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1987; chồng là Trần Lê T, sinh năm: 1967; cùng ngụ tại số nhà 53/28 đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi cư ngụ của T và H, tại số 53/28 Lý Thường Kiệt Phường 7, Quận 11, phát hiện và thu giữ: 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, 02 nắp nhựa có gắn ống hút và ống thủy tinh, 01 kéo, 01 máy điện thoại di động, 01 hộp nhựa màu xanh bên trong có 06 gói nylon chứa tinh thể không màu, thu dưới đất tại vị trí nơi H đứng 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, dán 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. Trần Lê T khai nhận số tinh thể không màu thu giữ là ma túy của T để sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiến hành bắt khẩn cấp đối với T.

Tại bản kết luận giám định số 1593/KLGD-H, ngày 09/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự CATP Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Vương Chí M và hình dấu Công an Phường 8, Quận 11, gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,8172 gam loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 1594/KLGD-H, ngày 09/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự CATP Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lâm Xương Vinh và hình dấu Công an Phường 7, Quận 11, gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4745 gam loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Lê T và hình dấu Công an Phường 7, Quận 11, gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0294 gam loại Methamphetamine.

- Gói 3: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Lê T và hình dấu Công an Phường 7, Quận 11, gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,7735 gam loại Methamphetamine.

- Gói 4: Tinh thể không màu trong 06 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Lê T và hình dấu Công an Phường 7, Quận 11, gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,2476 gam loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Trần Lê T khai nhận: Do nghiện ma túy nên T đã mua ma túy của đối tượng tên Dũng (không rõ lai lịch) tại khu vực chùa Hoàng Pháp, Quận 6 với số tiền 1.300.000 đồng rồi mang về chia nhỏ ra để cùng sử dụng với Nguyễn Thị Thuý H, là người sống chung như vợ chồng với T. Số ma túy sử dụng còn lại chưa sử dụng hết, T cất giữ thì bị phát hiện bắt quả tang. T không thừa nhận bán ma túy cho L, TT, M.

Nguyễn Thị Thuý H khai biết TT, L do là khách quen hay đến quán của H ăn ốc. H không thừa nhận bán ma túy cho TT, L và M. Ngoài ra, H khai vào khoảng tháng 08/2017, L có đến nhà H gặp T lấy 01 gói ma túy rồi đi ra nói với bị cáo M đưa số tiền 1.100.000 đồng cho H để H giao lại cho T. Về tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có dán 01 gói ma túy trên một mặt Cơ quan điều tra thu giữ chỗ H đứng thì H không nhận của mình và H không biết của ai.

Liên Gia L khai có quen biết với TT, H, T đã cùng với TT đến nhà H sử dụng ma túy chung. Nhưng không có mua ma túy của T.

Do lời khai của M, TT, H, T và L có mâu thuẫn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành đối chất giữa các bị can và người liên quan nhưng không làm rõ được các mâu thuẫn này.

Đối với Nguyễn Thị Thuý H, ngoài lời khai của Vương Chí M về việc H bán ma túy cho M, không có chứng cứ nào khác chứng minh việc H đã bán ma túy cho M nên không có cơ sở xử lý hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với H.

Đối với Lê Minh TT có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã chuyển hồ sơ đến Công an Phường 8 Quận 11 xử phạt hành chính với mức phạt 750.000 đồng về hành vi vi phạm

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 13 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố các bị cáo Trần Lê T và Vương Chí M tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo M khai mua ma túy của H một lần vào ngày 27/9/2017; vào cuối tháng 8 bị cáo có đưa cho L 1.100.000 đồng do L mượn tiền của bị cáo còn việc L có đưa tiền cho bà H hay không và đưa về việc gì thì bị cáo M không biết;

- Bị cáo T khai nhận bị cáo không bán ma túy, toàn bộ số ma túy thu giữ tại nhà của bị cáo, bị cáo dùng để sử dụng. Số tiền 1.100.000 đồng bà H, vợ bị cáo, đưa cho ông vào cuối tháng 8 là tiền Liên Gia L mượn của ông, hoàn toàn không có việc mua bán ma túy.

- Bà H khai: Bà không bán ma túy cho bị cáo M và Liên Gia L. Trước đây tại Cơ quan điều tra bà khai “cuối tháng 8, L gặp M lấy 1.100.000 đồng đưa cho bà do chồng bà nhường ma túy lại cho L” là do bà nghe L nói như vậy. Việc chồng bà có nhường ma túy lại cho L hay không bà hoàn toàn không biết vì lúc đó bà không có ở nhà. Sau này bà mới biết đó là tiền L mượn của chồng bà.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Lê T từ 03 năm đến 04 năm tù, bị cáo Vương Chí M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; đồng thời đề nghị hướng xử lý vật chứng như sau: Tịch thu và tiêu hủy: Năm gói niêm phong chứa ma túy, hai nắp nhựa có gắn ống hút, ống thủy tinh, một cái kéo, một hộp thuốc tây bằng nhựa hiệu TRAGUTAN, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước tiền 100.000 đồng; trả lại cho bị cáo T một máy điện thoại di động hiệu Iphone; -trả lại cho bị cáo M một máy điện thoại di động màu đen; trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy H một máy điện thoại di động hiệu Nokia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Vào lúc 23 giờ 45 phút ngày 28/9/2017, tại phòng 404 Phòng cho thuê Phương Thảo số 137A đường Đội Cung, Phường 8, Quận 11, Vương Chí M có hành vi tàng trữ 4,8172 gam ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine để sử dụng.

Vương Chí M khai nhận đã mua ma túy của vợ chồng Nguyễn Thị Thúy H và Trần Lê T. Qua khám xét tại nhà của H, T số 53/28 Lý Thường Kiệt, Phường 7 Quận 11 vào lúc 11 giờ ngày 29/9/2017 Công an đã thu giữ của T 5,0505 gam ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine. T thừa nhận số ma túy trên là của T dùng để sử dụng, T không thừa nhận bán ma túy cho M, L. H không thừa nhận bán ma túy cho bị cáo M. Về việc tại Cơ quan điều tra, bà H khai khoảng tháng 8/2017 biết bị cáo T có bán ma túy cho Liên Gia L một lần nhưng tại phiên tòa bà H phủ nhận lời khai này; mặt khác lời khai của H tại Cơ quan điều tra không được Liên Gia L và bị cáo T thừa nhận. Ngoài lời khai của

bị cáo M, bà H thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi mua bán ma túy của bị cáo T và Nguyễn Thị Thúy H. Do đó, căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được chỉ đủ cơ sở kết luận bị cáo T có hành vi tàng trữ 5,0505 gam ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine để sử dụng.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được việc gây nguy hiểm cho xã hội khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện.

Bị cáo T tàng trữ 5,0505 gam ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo T đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo M tàng trữ 4,8172 gam ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, khung hình phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn; do đó, áp dụng các nội dung có lợi cho các bị cáo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo đã vi phạm đến chính sách độc quyền kiểm soát, quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, đặc biệt là các chất gây nghiện thuộc danh mục các chất ma túy, tiền chất và các chất hóa học tham gia vào quá trình chế tạo các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, đồng thời làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Vì vậy cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần bắt bị cáo phải chịu phạt tiền.

Về xử lý vật chứng:

- Thu giữ của Trần Lê T:

+ 03 gói ma túy còn lại sau giám định có dấu vân tay chữ ký Trần Lê T cần tịch thu và tiêu hủy;

+ 01 điện thoại Iphone, không simcard, là tài sản cá nhân của T nên trả lại cho bị cáo;

+ 02 nắp nhựa có gắn ống hút và ống thủy tinh, 01 cái kéo, 01 vỏ hộp thuốc tây hiệu Tragan dùng vào việc sử dụng ma túy nên tịch thu và tiêu hủy;

- Thu giữ của Vương Chí M:

+ 01 gói ma túy còn lại sau giám định có dấu vân tay chữ ký Vương Chí M cần tịch thu và tiêu hủy;

- + 01 bộ sử dụng ma túy nên tịch thu và tiêu hủy;
- + 01 điện thoại di động màu đen bị bể màn hình là tài sản cá nhân của M không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.
- Thu giữ của Nguyễn Thị Thuý H:
- + 01 điện thoại di động Nokia là tài sản cá nhân của H nên trả lại cho bà H;
- + 01 gói ma túy có chữ ký ghi tên người làm chứng Lâm Xương Vinh là tang vật của vụ án nên tịch thu và tiêu hủy;
- + Tiền Việt Nam 100.000 đồng, dán gói ma túy, H khai không biết của ai nên tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 45; khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Lê T;

Căn cứ vào Điều 45; khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vương Chí M;

Tuyên bố các bị cáo Trần Lê T và Vương Chí M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Lê T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2017.

Xử phạt bị cáo Vương Chí M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2017.

Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu và tiêu hủy: Ba gói niêm phong có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Lê T; một gói niêm phong có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Vương Chí M; một gói niêm phong có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lâm Xương Vinh; hai nắp nhựa có gắn ống hút; ống thủy tinh, một cái kéo; một hộp thuốc tây bằng nhựa hiệu TRAGUTAN; một bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước tiền Việt Nam 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng);

- Trả lại cho bị cáo T một máy điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã cũ,

không simcard;

- Trả lại cho bị cáo M một máy điện thoại di động màu đen không rõ hiệu tình trạng đã cũ, bề màn hình;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy H một máy điện thoại di động hiệu Nokia;

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 243/LNK-MT ngày 05/10/2017 và Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 29/9/2017 lập tại Công an Phường 8, Quận 11).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo, bà Nguyễn Thị Thúy H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Loan